

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2021

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' , TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền;

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXX - ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Y**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà x, tổ y, khu z, phường C, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Anh **Đồng Thanh T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã Hi, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị Y và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2021, bản tự khai đề ngày 23/4/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Y trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đồng Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh T ở xã H. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra anh T còn có biểu hiện ngoại tình, mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn anh T thường mắng chửi và đánh đập chị. Chị đã cố gắng chịu đựng và nhiều lần khuyên bảo chồng để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc nhưng không có kết quả. Vì vậy tháng 8/2019, chị đã bỏ về sinh sống ở tỉnh Quảng Ninh. Chị và anh T sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh T chưa có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung; không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian vợ chồng anh chị chung sống ở nhà anh T, chị không kiến thiết, mua sắm đóng góp gì.

2. Kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi Tòa án mở phiên tòa, anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh T theo địa chỉ mà chị Y cung cấp. Trên phiếu báo phát hoàn lại đều thể hiện chữ ký của người nhận văn bản là anh T và người thân của anh T. Khi Tòa án đi xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ thì anh T đã giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y và đơn xin xét xử vắng mặt có sự chứng kiến của Phó Trưởng thôn Bình An ngày 02/6/2021. Anh T có quan điểm: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Y về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng anh và thời gian vợ chồng sống ly thân. Anh đồng ý ly hôn với chị Y và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên anh không yêu cầu giải quyết. Về các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh cũng như bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của chị Y gửi thì anh và gia đình đã nhận được qua đường bưu điện, anh

không có ý kiến gì. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục gửi văn bản cho anh theo địa chỉ mà Tòa án đã gửi vì tất cả văn bản anh đều đã nhận được theo địa chỉ này.

3. Biên bản lấy lời khai của người làm chứng là Đồng Thị S, sinh năm 1960, trú tại Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình, là bác ruột của anh T, có sự chứng kiến của Phó Trưởng thôn B ngày 02/6/2021 thể hiện: Điều kiện kết hôn, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng chị Y anh T đúng như chị Y và anh T đã trình bày. Bà S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của anh T và chị Y.

4. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện V, đại diện UBND xã cung cấp như sau: Chị Đỗ Thị Y và anh Đồng Thanh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 05/11/2018. Anh T là người có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và đang sinh sống tại địa phương, còn chị Y là người tỉnh ngoài. Trước khi kết hôn với chị Y, anh T đã kết hôn với người khác và đã ly hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng anh chị địa phương không nắm bắt được cụ thể. Tuy nhiên, hiện tại chị Y đã không còn sinh sống cùng anh T tại thôn B, xã H nữa. Nay chị Y xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Chị Y và anh T chưa có con chung.

Về quan hệ tài sản chung của chị Y và anh T: Địa phương không nắm được. Hiện tại chị Y và anh T không có khoản nợ nào của địa phương.

*** *Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và xác định tư cách đương sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đảm bảo đúng quy định pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và Tòa án đã phải tổng đạt nhiều lần văn bản cho bị đơn, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để có căn cứ giải quyết vụ án. Sau đó Tòa án đã thu thập được quan điểm của anh T về việc giải quyết vụ án. Như vậy anh T chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật

tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

- + Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Y được ly hôn anh Đồng Thanh T.
- + Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.
- + Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.
- + Án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Y có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đồng Thanh T có địa chỉ tại Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Y và anh Đồng Thanh T đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 05/11/2018 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 8/2019 đến thời điểm vụ án đưa ra xét xử, chị Y và anh T vẫn sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị Y mà đến khi Tòa án đi xác minh thì mới gặp anh T ở nhà và Tòa án yêu cầu anh T giao nộp văn bản ghi ý kiến của anh. Điều này chứng tỏ anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Quan điểm của anh T cũng thể hiện là anh nhất trí ly hôn với chị Y và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Qua xác

minh tại xã H và lấy lời khai của người thân của anh T cũng thể hiện: Giữa chị Y và anh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không tìm được biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và anh chị đã chấm dứt đời sống chung, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị Y và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Y được ly hôn anh T.

[2.2] Quan hệ con chung: Anh T và chị Y chưa có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Quan hệ tài sản: Anh T và chị Y không có tài sản chung, không có nợ chung, anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Y được ly hôn anh Đồng Thanh T.

2. Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Đỗ Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Đỗ Thị Y đã nộp tại biên lai số 0000821 ngày 22/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đỗ Thị Y và anh Đồng Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa****(Đã ký)****HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM****Các hội thẩm****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa****Bùi Thị Thoan**

